

Cho xem chỗ mổ ruột thừa

盲腸の手術の痕を見せて

Trên xe lửa, một cô gái trẻ mặc váy ngắn ngồi đối diện với một ông trung niên.
電車の中でミニスカートをはいた若い娘が中年のおじさんの前に座った。

Cô thấy ông này cứ liếc xuống đùi mình hoài bèn hỏi:

娘はさっきからチラチラ太ももを見ているおじさんに尋ねた。

- Ông có muốn tôi nhích váy lên một chút không?

「おじさん、スカートをちょっと上げて欲しいの？」

- Nếu cô vén váy lên 1 centimét thì tôi cho cô 20 đô la.

「もし 1cm あげてくれたら 20ドルあげるよ。」

Cô gái vén váy lên 1 centimét và nhận 20 đô la.

娘は 1cm あげて 20ドル貰った。

- Nếu cô thêm lên 1 centimét nữa tôi cho cô 50 đô la.

「もしさらに 1cm あげてくれたら 50ドルあげるよ。」

Cô gái vén váy lên 1 centimét và nhận 50 đô la.

娘は 1cm あげて 50ドル貰った。

- Nếu cô nhích thêm 1 centimét nữa thì cô được 100 đô la.

「もしさらに 1cm あげてくれたら 100ドルあげるよ。」

Cô gái vén váy lên 1 centimét và nhận 100 đô la.

娘は 1cm あげて 100ドル貰った。

Nếu bây giờ tôi chỉ cho ông xem chỗ tôi mổ ruột thừa thì tôi được bao nhiêu?

「もし今おじさんだけに中身を見せてらいくらくれるの？」

- Tôi được xem trong bao lâu?

「どれだけ長く見れるの？」

- Bao lâu cũng được, muốn rờ mó tôi cũng không cần.

「どれだけでもいいよ。触りたかったら触ってもいいよ。」

Ông ta hí hửng đáp:

「おじさんは喜んで答えた。」

- Vậy thì cô nhận được 500 đô la.

「それなら 500ドルあげよう」

- Ông hãy đưa tiền cho tôi trước đã.

おじさんは娘にお金を渡す前に言った。

Ông ta móc tiền ra đưa và nôn nao chờ đợi. Mãi không thấy cô gái hành động, sốt ruột ông ta giục:

おじさんはお金を出して焦って待った。いつまでたっても娘は何もしない。イライラして催促した。

- Sao lâu thế?

「なんでそんなに待たせるの？」

- Chờ một chút đi mà.

「ちょっと待っててよ。」

Vừa lúc đó xe chạy ngang qua một bệnh viện, cô ta chỉ tay ra cửa sổ và nói:

丁度その時電車は病院の前を通りかかった。娘は窓の外に手を出して言った。

- Đó... đó... đó là nơi tôi mổ ruột thừa đó, ông nhìn đi. Có giấy xuất viện đây

「あれよ！あれが私の手術の所なのよ、おじさん見て！退院の書類よ！」

uhm....Mi nghĩ rằng...

nếu cô gái nói là:

“ Ông ơi, từ bây giờ tôi đi mổ ruột nên ông cùng đi với tôi trong bệnh viện thì ông được xem đó đây!

Thì Mi hiểu.

Ai cho Mi biết nha.....